

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 28 tháng 11 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN MƯỜI

Ngày, tháng, năm sinh: 12/02/1977

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng, P Bí thư Chi bộ Trường Tiểu học THSP Nguyễn Như Kon Tum.

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học THSP Nguyễn Như Kon Tum

- Nơi thường trú: 18 Lê Quý Đôn, phường Thắng Lợi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- Số CCCD: 052077000871 Ngày cấp: 3/4/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ ĐAN THÙY

Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1983

- Nghề nghiệp: Giáo viên Trường Tiểu học THSP Nguyễn Như Kon Tum

- Nơi thường trú: 18 Lê Quý Đôn, phường Thắng Lợi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- Số CCCD: 062183000208 ngày cấp: 03/04/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Minh Nhật

Ngày, tháng, năm sinh: 15/01/2013

- Hiện là: HS lớp 6 Trường THCS THSP Lí Tự Trọng TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- Nơi thường trú: 18 Lê Quý Đôn, phường Thắng Lợi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Khôi Nguyên

Ngày, tháng, năm sinh: 31/5/2018

- Nơi thường trú: 18 Lê Quý Đôn, phường Thắng Lợi, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Hiện là: HS lớp 1 Trường Tiểu học Thực hành Sư phạm Nguyễn Như Kon Tum

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: đất, nhà, ở cùng Bố Mẹ

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: 18 Lê Quý Đôn - Tổ 7 - Thắng Lợi - TP Kon Tum.

1.1.1. Thừa thứ nhất: đất, nhà, ở cùng Bố Mẹ

- Địa chỉ⁽⁸⁾: 18 Lê Quý Đôn - Tổ 7 - Thắng Lợi - TP Kon Tum.

- Diện tích⁽⁹⁾: 300 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Bố mẹ mua đất năm 1999 số tiền 20.000.000 đồng, xây nhà năm 2005 số tiền 110.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: 18 Lê Quý Đôn - Tổ 7 - Thắng Lợi - TP Kon Tum- Kon Tum.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Không

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Không
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không
- 1.1.3. Thừa thứ 3 (trở lên): Không
- Địa chỉ⁽⁸⁾: Không
- Diện tích⁽⁹⁾: Không
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Không
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:
- 1.2.1. Thừa thứ nhất:
 - Loại đất:..... Địa chỉ:
 - Diện tích:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở: đất, nhà, ở cùng Bố Mẹ
- 2.1.1. Nhà thứ nhất: 18 Lê Quý Đôn - Tổ 7 - Thắng Lợi - TP Kon Tum Kon Tum.
 - Địa chỉ: 18 Lê Quý Đôn - Tổ 7 - Thắng Lợi - TP Kon Tum Kon Tum.
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 4
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120 m²
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: Bố mẹ mua đất năm 1999 số tiền 20.000.000 đồng, xây nhà năm 2005 số tiền 110.000.000 đồng.
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: 18 Lê Quý Đôn - Tổ 7 - Thắng Lợi - TP Kon Tum - Kon Tum.
 - Thông tin khác (nếu có): đất, nhà, ở cùng Bố Mẹ
- 2.1.2. Nhà thứ 2: Không
 - Địa chỉ: Không
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾: Không
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: Không
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: Không
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không
 - Thông tin khác (nếu có): Không
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không
- 2.2.1. Công trình thứ nhất: Không
 - Tên công trình:..... Địa chỉ:
 - Loại công trình:..... Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không
- 6.1. Cổ phiếu: Không
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- 6.2. Trái phiếu:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- 6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:
- Tên tài sản: Không
- Tên tài sản: Không
8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không
9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không
- Tên chủ tài khoản: Không, số tài khoản: Không
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: Không

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾

- Tổng thu nhập của người kê khai: 216.000.000đ (từ lương)/năm
- Tổng thu nhập của vợ: 180.000.000đ (từ lương)/năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0 đ
- Tổng các khoản thu nhập chung: 396.000.000đ/năm

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động so với năm 2023.

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	Không		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			

<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>	Không		
---	-------	--	--

Kon Tum, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
TRƯỞNG BAN THANH TRA

[Handwritten signature]
Đặng Thu Thu Vân

Kon Tum, ngày 28 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Mười